

LUẬT VỀ BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

(Số 25/2004/QH11 ngày 15 tháng sáu năm 2004)

Căn cứ vào Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 Tháng Mười Hai năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10 năm 1992;

Luật này quy định về bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Trẻ em

Trẻ em quy định trong Luật này là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi .

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Luật này quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của trẻ em; trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, nhân dân các đơn vị lực lượng vũ trang, gia đình và công dân (sau đây được gọi chung là cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân), các tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác nhau quy định của điều ước quốc tế được áp dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có nghĩa là trẻ em về thể chất hoặc tinh thần các điều kiện bất thường, những người không thể thực hiện các quyền cơ bản của họ và tích hợp với gia đình và cộng đồng.
2. Trẻ em đường phố có nghĩa là trẻ em rời bỏ gia đình của họ và kiếm sống bằng chính mình với những nơi sống và nơi cư trú không ổn định, trẻ em lang thang với các gia đình của họ.
3. Gia đình thay thế là gia đình, cá nhân nhận chăm sóc và mang lại cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.
4. Cơ sở trợ giúp trẻ em có nghĩa là tổ chức được thành lập để bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 4 .- Không phân biệt đối xử đối với trẻ em

Trẻ em, dù là nam hay nữ, trong hoặc ngoài giá thú, sinh học hoặc được nhận làm con nuôi, sinh ra một bên hoặc cả hai bên tham gia một cuộc hôn nhân, không phân biệt quốc tịch của họ, tín ngưỡng, tôn

giáo, nền tảng xã hội và vị trí cũng như ý kiến chính trị của cha mẹ hoặc người giám hộ, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, và được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục

1. Bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục gia đình, trường học, Nhà nước, xã hội và công dân. Trong tất cả các hoạt động liên quan đến trẻ em của các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân, lợi ích của trẻ em phải được quan tâm hàng đầu.
2. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong và ngoài nước đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 6. Thực hiện các quyền của trẻ em

1. Quyền của trẻ em phải được tôn trọng và thực hiện.
2. Tất cả các hành vi xâm phạm quyền của trẻ em, gây tổn hại đến sự phát triển bình thường của trẻ em đều bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Bỏ rơi trẻ em do cha mẹ hoặc người giám hộ;
2. Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em sống một cuộc sống đường phố, lợi dụng trẻ em đường phố để tìm kiếm lợi ích cá nhân;
3. Dụ dỗ, lừa gạt, ép buộc trẻ em bất hợp pháp mua, bán, vận chuyển, lưu trữ và / hoặc sử dụng ma túy, trẻ em hấp dẫn để đánh bạc, bán cho trẻ em hoặc cho phép họ sử dụng rượu, bia, thuốc lá hoặc các chất kích thích khác có hại cho sức khỏe của họ;
4. Dụ dỗ, lừa gạt, hàng đầu, chứa chấp, ép buộc trẻ em vào mại dâm, lạm dụng tình dục trẻ em ;
5. Lợi dụng, dụ dỗ, ép buộc trẻ em mua, bán hoặc sử dụng sản phẩm kích động bạo lực, đồi trụy văn hóa, nhân bản, lưu hành, vận chuyển, lưu trữ văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em; sản xuất, kinh doanh đồ chơi, trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em;
6. Hành hạ, ngược đãi, làm nhục, chiếm đoạt, bắt cóc, buôn bán hoặc đánh tráo trẻ em, lạm dụng trẻ em cho lợi ích cá nhân, xúi giục trẻ em thù ghét cha mẹ hoặc người giám hộ hoặc xâm phạm tính mạng, nhân phẩm, cơ thể, danh dự của người khác;
7. Lợi dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em cho các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, việc làm tiếp xúc với chất độc hại hoặc công việc khác trái với quy định của pháp luật lao động;
8. Cản trở việc học của trẻ em;
9. Áp dụng các biện pháp có tính chất xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm hoặc dùng nhục hình, người chưa thành niên phạm tội;

10. Đặt cơ sở sản xuất, lưu trữ thuốc trừ sâu, hóa chất độc hại, chất dễ cháy và / hoặc vật liệu nổ gần cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục

1. Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em .
2. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ , cơ quan thuộc Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy ban Đào tạo Thể dục Thể thao, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục theo sự phân công của Chính phủ
4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục tại địa phương theo phân cấp của Chính phủ .

Điều 9. Nguồn tài chính cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Nguồn tài chính cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em bao gồm ngân sách nhà nước, viện trợ quốc tế, hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 10. Hợp tác quốc tế về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

1. Nhà nước có chính sách mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục với các nước và các tổ chức quốc tế trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng chủ quyền quốc gia và phù hợp với pháp luật của mỗi nước cũng như các thông lệ quốc tế.
2. Nội dung hợp tác quốc tế bao gồm :
 - a / Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, và tiến hành các hoạt động bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục;
 - b / Tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
 - c / Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ hiện đại phục vụ công tác bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục ;
 - d / Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, trao đổi thông tin và kinh nghiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
3. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài cũng như các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào công tác bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục.
4. Các tổ chức quốc tế liên quan đến việc bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục ở nước ngoài được hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

CƠ BẢN QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TRẺ EM

Điều 11. Quyền được khai sinh và có quốc tịch

1. Trẻ em có quyền đăng ký khai sinh và có quốc tịch.
2. Trẻ em có cha mẹ chưa xác định được, nếu có yêu cầu thì được hỗ trợ bởi các cơ quan có thẩm quyền để xác định cha, mẹ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền được chăm sóc và nuôi dưỡng

Trẻ em có quyền được chăm sóc và nuôi dưỡng để phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức .

Điều 13. Quyền sống chung với cha mẹ

Trẻ em có quyền sống với cha mẹ của họ.

Không ai có quyền buộc trẻ em phải cách ly cha mẹ, trừ trường hợp vì lợi ích của trẻ em.

Điều 14. Quyền được tôn trọng và bảo vệ cuộc sống của họ, cơ thể, nhân phẩm và danh dự

Trẻ em có mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự được bảo vệ bởi gia đình tương ứng của họ, Nhà nước và xã hội.

Điều 15. Quyền được chăm sóc sức khỏe

1. Trẻ em có quyền được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.
2. Trẻ em dưới 6 tuổi được hưởng chăm sóc sức khỏe ban đầu, được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế công .

Điều 16. Quyền được học tập

1. Trẻ em có quyền học tập.
2. Trẻ em học ở cấp giáo dục tiểu học trong các cơ sở giáo dục công cộng không phải trả học phí.

Điều 17. Quyền tham gia vui chơi giải trí, vui chơi giải trí, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao và các hoạt động du lịch

Trẻ em có quyền tham gia vui chơi, giải trí lành mạnh, vui chơi giải trí, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao và các hoạt động du lịch phù hợp với lứa tuổi của họ.

Điều 18. Quyền phát triển năng khiếu

Trẻ em có quyền phát triển năng khiếu của mình . Mọi năng khiếu của trẻ em được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển .

Điều 19. Quyền có tài sản

Trẻ em có quyền có tài sản và quyền thừa kế theo quy định của pháp luật

Điều 20. Quyền tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia các hoạt động xã hội

1. Trẻ em có quyền truy cập thông tin phù hợp với sự phát triển của họ, bày tỏ ý kiến và nguyện vọng của họ về các vấn đề quan tâm của họ.
2. Trẻ em có thể tham gia vào các hoạt động xã hội phù hợp với nhu cầu và khả năng của mình.

Điều 21. Nghĩa vụ của trẻ em

Trẻ em có nhiệm vụ sau đây:

1. Tình yêu, tôn trọng và hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, giáo viên tôn trọng, lễ phép với người lớn, thương yêu em và đoàn kết với bạn bè của họ, giúp đỡ người già, người khuyết tật, tàn tật và những người có khó khăn, theo khả năng của mình ;
2. Chăm chỉ học tập, giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, thực hiện trật tự công cộng và an toàn giao thông, bảo vệ tài sản công cộng, tôn trọng tài sản của người khác và bảo vệ môi trường;
3. Tình yêu lao động và giúp đỡ gia đình làm công việc phù hợp với sức khỏe của họ ;
4. Khiêm tốn, trung thực và đạo đức, tôn trọng pháp luật, tuân thủ nội quy của trường; sống một nếp sống văn minh và xây dựng gia đình văn hoá, tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc;
5. Đề tình yêu quê hương, đất nước và đồng hương, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam , và đoàn kết quốc tế.

Điều 22. Những điều không phải được thực hiện bởi trẻ em

Trẻ em không phải làm như sau:

1. Bỏ học, bỏ gia đình của họ để sống một cuộc sống lang thang theo ý riêng của mình ;
2. Xâm phạm tính mạng, thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng;
3. Đánh bạc, sử dụng rượu, bia, thuốc lá hoặc các chất kích thích khác có hại cho sức khỏe của họ ;
4. Trao đổi, sử dụng văn hoá phẩm kích động bạo lực, đồi trụy, đồ chơi hoặc trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của họ .

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

Điều 23. Trách nhiệm đăng ký khai sinh

1. Cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm đăng ký khai sinh kịp thời cho trẻ em.
2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em và vận động cha mẹ hoặc người giám hộ thực hiện đăng ký khai sinh kịp thời cho con cái của họ.

3. Trẻ em của hộ gia đình nghèo được miễn lệ phí đăng ký khai sinh.

Điều 24. Trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng

1. Cha mẹ, người giám hộ là những người đầu tiên chịu trách nhiệm về việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em, cho họ các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển; khi cuộc họp với các khó khăn mà không có thể được khắc phục do mình, họ có thể hỏi để được giúp đỡ từ các cơ quan liên quan và / hoặc tổ chức để thực hiện chăm sóc trẻ em-và-nuôi dưỡng trách nhiệm .

2. Cha mẹ, người giám hộ và người lớn khác trong gia đình phải nêu gương tốt cho trẻ em trong tất cả các khía cạnh, phải xây dựng gia đình của họ vào những người giàu có, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, do đó tạo ra một môi trường lành mạnh cho phát triển toàn diện của trẻ em.

3. Phụ huynh và người giám hộ có trách nhiệm chăm sóc cho một chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ theo lứa tuổi.

4. Trong trường hợp ly hôn hoặc các trường hợp khác, người cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên phải có nghĩa vụ đóng góp để nuôi dưỡng con cái của họ cho đến khi họ trở nên trưởng thành, và có trách nhiệm chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm bảo đảm rằng trẻ em sống với cha mẹ

1. Cha mẹ có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện để trẻ em được sống với họ.

2. Trong trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi, bàn giao và tiếp nhận trẻ em làm con nuôi, đưa trẻ em ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp trẻ em có mẹ và / hoặc cha đang chấp hành hình phạt tù và những người không có nơi nương tựa, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức việc chăm sóc và nuôi dưỡng những trẻ em tại gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em .

Điều 26. Trách nhiệm bảo vệ đời sống của trẻ em, cơ thể, nhân phẩm và danh dự

1. Gia đình, Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo vệ đời sống của trẻ em, cơ thể, nhân phẩm và danh dự, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tai nạn cho trẻ em.

2. Tất cả các hành vi xâm phạm đời sống của trẻ em, nhân phẩm, thân thể và danh dự thì được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm bảo vệ sức khỏe trẻ em

1. Phụ huynh và người giám hộ có trách nhiệm thực hiện các quy định về kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng khám và điều trị cho trẻ em .

2. Các cơ sở y tế công lập có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và điều trị cho trẻ em.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức y tế học đường .

Bộ Y tế có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn áp dụng các biện pháp để ngăn chặn các bệnh học đường và các bệnh khác cho trẻ em.

4. Nhà nước có chính sách phát triển sự nghiệp y tế, đa dạng hoá và dịch vụ khám, chữa bệnh; miễn hoặc giảm phí khám bệnh, điều trị cũng như phục hồi chức năng cho trẻ em và đảm bảo kiểm tra y tế và kinh phí điều trị cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Trong các ngân sách, cân bằng kế hoạch hàng năm của các Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Chính phủ sẽ dành một ngân sách riêng biệt cho kiểm tra y tế miễn phí và điều trị cho trẻ em dưới 6 tuổi tại các cơ sở y tế công lập trung ương và địa phương.

5. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động nhân đạo, từ thiện để đóng góp kinh phí chữa bệnh cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo.

Điều 28. Trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em để nghiên cứu

1. Gia đình, Nhà nước có trách nhiệm để đảm bảo rằng trẻ em có thể thực hiện quyền của mình để nghiên cứu và hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục và tạo điều kiện cho em theo học ở cấp độ cao hơn .

2. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm cung cấp tất cả các mặt đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, giáo dục thể chất và dạy nghề cho trẻ em, chủ động phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

3. Cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông phải đáp ứng các điều kiện cần thiết về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị giảng dạy để đảm bảo chất lượng giáo dục.

4. Những người phụ trách của Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiền phong tại các trường phải được đào tạo chuyên nghiệp, bồi dưỡng, có sức khỏe tốt và phẩm chất đạo đức, yêu nghề, yêu trẻ em của họ và được tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

5. Nhà nước có chính sách cho phát triển giáo dục mầm non và phổ thông, chính sách miễn học phí học phí và giảm, cấp học bổng và hỗ trợ xã hội để thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

Điều 29. Trách nhiệm bảo đảm điều kiện vui chơi giải trí trẻ em, giải trí, văn hóa, nghệ thuật, đào tạo vật lý, thể thao và các hoạt động du lịch

1. Gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện cho trẻ em tham gia vui chơi giải trí, vui chơi giải trí, thể dục nghệ thuật, văn hóa, thể thao và các hoạt động du lịch phù hợp với lứa tuổi của họ.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng quy hoạch và đầu tư trong việc xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí, vui chơi giải trí, thể dục nghệ thuật, văn hóa, thể thao và du lịch cho trẻ em tại địa phương.

Các cơ sở vật chất dành cho học tập của trẻ em, giải trí và các hoạt động vui chơi giải trí không phải được sử dụng cho các mục đích khác làm ảnh hưởng đến lợi ích của họ.

3. Nhà nước có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của trẻ em vui chơi , giải trí.

4. Các ấn phẩm, đồ chơi, phát thanh, truyền hình chương trình phát sóng, chương trình nghệ thuật, điện ảnh, nếu có nội dung không phù hợp với trẻ em, phải chịu cảnh báo hoặc chỉ ra tuổi của trẻ em không được phép sử dụng chúng.

Điều 30. Trách nhiệm bảo đảm quyền phát triển năng khiếu

1. Gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm để tìm hiểu, khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển năng khiếu của trẻ em.
2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân để nuôi dưỡng và phát triển năng khiếu của trẻ em, tạo điều kiện cho nhà văn hoá, trường học của trẻ em, tổ chức, cá nhân để nuôi dưỡng và phát triển năng khiếu của trẻ em.

Điều 31. Trách nhiệm bảo đảm các quyền dân sự

1. Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, và đại diện cho trẻ em trong các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật.
2. Cha mẹ, người giám hộ hoặc cơ quan liên quan và các tổ chức phải bảo tồn và quản lý tài sản của trẻ em và giao lại cho các trẻ em theo quy định của pháp luật.
3. Trong trường hợp một đứa trẻ gây thiệt hại cho người khác (s), / cha mẹ hoặc người giám hộ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia các hoạt động xã hội

1. Gia đình, Nhà nước và xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện để giúp đỡ trẻ em để truy cập thông tin thích hợp, phát triển tư duy sáng tạo của họ và bày tỏ nguyện vọng và lắng nghe và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của trẻ em.
2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhà trường có trách nhiệm tổ chức cho trẻ em tham gia vào các hoạt động xã hội và tập thể, phù hợp với nhu cầu của trẻ em và lứa tuổi.

Điều 33. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm :

1. Tuyên truyền, vận động, giáo dục, bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục ;
2. Phát triển phúc lợi xã hội cho trẻ em, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em để thực hiện các quyền của họ, thực hiện nhiệm vụ của mình và phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức;
3. Cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ trẻ em.

Điều 34. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm:

a / Tuyên truyền, giáo dục các thành viên và cá nhân của họ cũng như những người chấp hành tốt pháp luật về trẻ em;

b / Vận động gia đình và xã hội để thực hiện tốt công tác bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục ;

c / Chăm sóc và bảo vệ lợi ích của trẻ em, giám sát việc chấp hành pháp luật về trẻ em, kiến nghị cần thiết cho các cơ quan nhà nước có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên và ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức và hướng dẫn nuôi dưỡng trẻ em vào những người khỏe mạnh và giảng dạy trẻ em trở thành người tốt.

3. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn hoạt động của thanh thiếu niên và trẻ em và phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Đề giới thiệu các mô hình điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong công tác bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục, phát hiện và phê phán hành vi xâm phạm quyền của trẻ em và hành vi bị cấm đối với trẻ em.

Điều 36. Trách nhiệm của cơ quan bảo vệ pháp luật

1. Đề bảo vệ hoặc phối hợp với các cơ quan và các tổ chức có liên quan trong việc bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, chủ động trong việc ngăn ngừa và kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục.

2. Phối hợp với nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục trẻ em có hành vi vi phạm pháp luật.

3. Việc xử lý trẻ em có hành vi vi phạm pháp luật nhằm mục đích chủ yếu là để giáo dục và giúp đỡ những trẻ em nhận thấy sai lầm, sửa chữa sai lầm và tiến bộ.

Điều 37. Trách nhiệm của Nhà nước

1. Nhà nước có chính sách đầu tư, xã hội và mở rộng hợp tác quốc tế cho sự phát triển của sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Nhà nước có chính sách tạo điều kiện cho trẻ em của thương binh, liệt sỹ và người có công với đất nước, trẻ em của đạo đức dân tộc thiểu số và hộ gia đình nghèo, trẻ em cư trú tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, để thưởng thức quyền trẻ em; có chính sách hỗ trợ cho các gia đình để thực hiện trách nhiệm bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức đăng ký khai sinh, các hoạt động nghiên cứu và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em của các gia đình không có đăng ký hộ khẩu thường trú, ngay tại nơi mà cha mẹ đang làm việc hoặc sinh sống.

4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phát triển mạng lưới trường học, cơ sở y tế, nhà văn hoá, cơ sở thể thao, điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em, khuyến khích tổ chức, cá nhân để thiết lập lên các cơ sở cung cấp tư vấn cho trẻ em, cha mẹ, người giám hộ và dân số bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục.

Điều 38. Hỗ trợ hoạt động cho sự nghiệp bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục

Nhà nước hỗ trợ công trình khoa học và công nghệ, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, tất cả các sáng kiến và công việc được thực hiện vì lợi ích của sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, khuyến khích các tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế dành một phần quỹ phúc lợi hoặc lợi nhuận của họ cho công tác bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục.

Điều 39. Quỹ bảo trợ trẻ em

1. Quỹ bảo trợ trẻ em được thành lập với mục đích huy động đóng góp tự nguyện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ quốc tế và ngân sách nhà nước hỗ trợ cho sự nghiệp bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục.
2. Quỹ bảo trợ trẻ em phải được huy động, quản lý và sử dụng đúng mục đích theo quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

Chương IV

Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Điều 40. Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn bao gồm trẻ em mồ côi không có ai để dựa vào, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học, trẻ em bị nhiễm HIV / AIDS, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại, trẻ em làm việc xa gia đình trẻ em đường phố, trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em nghiện ma túy và người chưa thành niên phạm tội.

Điều 41. Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

1. Trong công tác bảo vệ trẻ em, chăm sóc và giáo dục, tầm quan trọng phải được kèm theo để phòng ngừa và ngăn chặn trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; kịp thời xử lý và giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em; liên tục hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong sức khỏe, tinh thần phục hồi và giáo dục đạo đức, phát hiện, ngăn chặn xử lý kịp thời các hành vi để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.
2. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được thực hiện chủ yếu tại gia đình hoặc gia đình thay thế . Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong cơ sở trợ giúp trẻ em chỉ áp dụng đối với những trẻ em không phải là người chăm sóc, nuôi dưỡng trong gia đình hoặc gia đình thay thế.
3. Để tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn học tại các trường học, cơ sở giáo dục đặc biệt.

Điều 42. Chính sách của Nhà nước đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

1. Nhà nước sẽ áp dụng chính sách để tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tận hưởng quyền trẻ em; cá nhân hỗ trợ và gia đình mà thực hiện để chăm sóc cho và nuôi nấng con cái, khuyến khích cá nhân để hỗ trợ trẻ em hoặc thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em theo thứ tự để đảm bảo rằng tất cả các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không nơi nương tựa được chăm sóc và lớn lên .
2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại gia đình, gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em công lập / không công.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ sở trợ giúp trẻ em trong xử lý và giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em, phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức cho họ.

Điều 43. Các hình thức hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Các hình thức hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm:

1. Các khoản đóng góp tự nguyện bằng tiền hoặc hiện vật ;
2. Nhận làm con nuôi, nhận đỡ đầu hoặc hành động như gia đình thay thế để chăm sóc, và đưa lên, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;
3. Tham gia trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;
4. Tổ chức các hoạt động giúp trẻ em giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt, phục hồi sức khỏe, tinh thần, và cung cấp cho họ giáo dục đạo đức cho họ.

Điều 44. Điều kiện thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em

Cơ quan, tổ chức, cá nhân muốn thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với nội dung của hoạt động hỗ trợ trẻ em ;
2. Nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nội dung của hoạt động trợ giúp trẻ em;
3. Nguồn tài chính của họ có khả năng bù đắp chi phí cho các hoạt động trợ giúp trẻ em.

Điều 45. Hồ sơ của ứng dụng để thiết lập cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân muốn thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em phải có giấy phép hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ xin thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em bao gồm:

a / Đơn xin thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em;

b / Đề án thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em;

c / Các giấy tờ, tài liệu chứng minh rằng người nộp đơn đáp ứng đầy đủ các điều kiện thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em theo quy định tại Điều 44 của Luật này;

d / Dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em;

đ / Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em;

f / Các sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở trợ giúp trẻ em đặt trụ sở chính.

3. Khi thay đổi tên, địa chỉ, chủ sở hữu, nội dung hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em, các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã thiết lập các cơ sở này phải làm thủ tục thay đổi giấy phép hoạt động của họ.

Điều 46. Thời hạn cấp giấy phép thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ xin thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải xử lý chúng. Trong trường hợp từ chối, lý do phải được ghi trong văn bản.

2. Cơ sở trợ giúp trẻ em phải hoạt động theo đúng các nội dung trong giấy phép hoạt động của họ.

Điều 47. Thẩm quyền thành lập, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Thẩm quyền thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em :

a / Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm quyết định thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc phạm vi quản lý;

b / Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc phạm vi quản lý của mình;

c / Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, tỉnh lỵ, thị xã có trách nhiệm quyết định thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý của họ.

2. Cơ sở trợ giúp trẻ em thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép hoạt động:

a / Không duy trì đủ điều kiện như tại thời điểm xin thành lập cơ sở;

b / Vi phạm các quy chế hoạt động đã được phê duyệt của cơ sở mình;

c / Sử dụng kinh phí hoạt động của các cơ sở cho các mục đích khác không phải là hỗ trợ trẻ em;

d / Xâm phạm quyền trẻ em.

3. Cơ quan đã cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở trợ giúp trẻ em có thể đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở đó.

Điều 48. Nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ sở hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Cơ sở hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Để tổ chức thực hiện một hoặc một số nội dung đã đăng ký hỗ trợ các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn chẳng hạn như cung cấp tư vấn, khám và điều trị, giải độc, phục hồi chức năng, y tế và điều kiện tinh thần cho trẻ em, giáo dục đạo đức, cung cấp giáo dục hoà nhập, giáo dục chuyên ngành và đào tạo nghề, cung cấp các dịch vụ việc làm, tổ chức xã hội, văn hóa, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em, tổ chức chăm sóc con và nuôi dưỡng;

2. Để đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ thuận tiện, an toàn và chất lượng ;

3. Để đảm bảo kinh phí cho hoạt động đúng mục đích ;

4. Thực hiện quản lý, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; quản lý tài chính, thiết bị, cơ sở vật chất và tài sản;
5. Để nhận được hỗ trợ tài chính và hỗ trợ bằng hiện vật từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức các hoạt động hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 49. Kinh phí hoạt động của các cơ sở hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Kinh phí hoạt động của cơ sở hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn bao gồm :

1. Ngân sách nhà nước cấp cho cơ sở trợ giúp trẻ em công lập;
2. Nguồn tự có của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em;
3. Hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ;
4. Đóng góp của gia đình và người thân của trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;
5. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 50. Hoạt động dịch vụ của cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Cơ sở trợ giúp trẻ em cung cấp dịch vụ theo yêu cầu phục hồi chức năng, cai nghiện ma túy, điều trị HIV / AIDS, đào tạo nghề cho người chưa thành niên phạm tội, nuôi dưỡng trẻ em nghiện ma túy, nhiễm HIV / AIDS và các dịch vụ khác theo yêu cầu, có thể thu thập dịch vụ phí theo quy định hoặc hợp đồng thỏa thuận với gia đình hoặc người giám hộ của trẻ em.
2. Trẻ em của hộ gia đình nghèo có nhu cầu cho các dịch vụ nói có thể được xem xét do người đứng đầu cơ sở trợ giúp trẻ em miễn phí dịch vụ, giảm trên cơ sở từng trường hợp.

Chính phủ quy định cụ thể mức thu phí dịch vụ và đối tượng được miễn, giảm phí dịch vụ .

Điều 51. Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi

1. Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi sẽ được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân địa phương để có gia đình thay thế hoặc tổ chức chăm sóc và mang lại cho họ tại các cơ sở trợ giúp trẻ em công lập hoặc ngoài công lập.
2. Nhà nước khuyến khích các gia đình, cá nhân nhận nuôi con nuôi, các cơ quan, tổ chức, cá nhân để tài trợ cho trẻ em hoặc phụ trách việc chăm sóc và nuôi dưỡng, trẻ mồ côi không có một nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi.
3. Nhà nước có chính sách hỗ trợ gia đình, cá nhân hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em ngoài công lập nhận chăm sóc và mang lại cho trẻ em mồ côi không có một nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi.

Điều 52. Trẻ em khuyết tật, trẻ em khuyết tật và trẻ em là nạn nhân của hóa chất độc hại

Trẻ em khuyết tật, trẻ em tàn tật và trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học được hỗ trợ và chăm sóc gia đình, Nhà nước và xã hội, tạo điều kiện để phát hiện sớm và điều trị bệnh, phục hồi chức năng; được nhận vào các lớp học hoà nhập, lớp học dành cho khiếm khuyết và trẻ em khuyết tật, tàn tật và hỗ trợ trong giáo dục phổ thông, đào tạo nghề và tham gia các hoạt động xã hội.

Điều 53. Trẻ em bị nhiễm HIV / AIDS

Trẻ em bị nhiễm HIV / AIDS không bị phân biệt đối xử nhưng điều kiện nhất định để được điều trị y tế và lớn lên tại gia đình hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em.

Điều 54. Trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc những công việc tiếp xúc với các chất độc hại, trẻ em làm việc xa gia đình

1. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm để phát hiện và giải quyết kịp thời tình trạng trẻ em làm công việc nặng nhọc hoặc công việc tiếp xúc với chất độc hại, tạo điều kiện cho trẻ em để tìm hiểu hoặc làm công việc phù hợp với sức khỏe của họ và các nhóm tuổi trong địa phương của họ.

2. Cha mẹ, người giám hộ phải duy trì liên lạc thường xuyên với trẻ em phải làm việc xa gia đình để giúp đỡ và giáo dục trẻ em.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã của các địa phương, nơi trẻ em làm việc xa gia đình, tạo điều kiện cho những trẻ em sống trong một môi trường an toàn, được chăm sóc và học tập, và rèn luyện về mặt đạo đức.

Điều 55. Trẻ em đường phố

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương nơi có trẻ em đường phố có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương, nơi trẻ em đường phố đến từ, tổ chức cho và hỗ trợ những trẻ em trở về gia đình của họ; trẻ em đường phố mà không có ai dựa trên sẽ được chăm sóc và nuôi dưỡng tại gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em, trẻ em đường phố của hộ nghèo thì được ưu tiên và hỗ trợ để xoá đói, giảm nghèo.

2. Đối với trẻ em đường phố lang thang với gia đình, các cấp tỉnh nhân dân Ủy ban các địa phương có những trẻ em và gia đình của họ sinh sống sẽ có đề xuất và tạo điều kiện cho họ giải quyết ổn định cuộc sống của họ và để mà trẻ em có thể thưởng thức các quyền của mình.

3. Ủy ban nhân dân các cấp đã tạo điều kiện cho trẻ em đường phố sống trong một môi trường an toàn, không bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội.

Điều 56. Bị xâm hại tình dục trẻ em

1. Trẻ em qua đường tình dục bị xâm hại được hỗ trợ bởi gia đình của họ, Nhà nước và xã hội thông qua các biện pháp tư vấn, phục hồi thể chất và tinh thần, và các điều kiện nhất định để ổn định cuộc sống.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn và tố cáo hành vi lạm dụng tình dục trẻ em.

Điều 57. Trẻ em nghiện ma túy

1. Các cơ quan, tổ chức liên quan đến phòng chống ma túy và các hoạt động chiến đấu có tổ chức cai nghiện ma túy cho trẻ em nghiện tại nhà hoặc cơ sở cai nghiện dành riêng cho trẻ em nghiện theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm tạo điều kiện cho trẻ em nghiện tham gia vào các hoạt động lành mạnh và mang lại lợi ích và phải bố trí cho ở lại trong khu vực riêng biệt.

3. Trẻ em cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc không được coi là trẻ em bị xử lý vi phạm hành chính .

Điều 58. Trẻ em vi phạm

1. Người phạm tội vị thành niên được giáo dục và hỗ trợ gia đình, nhà trường và xã hội sửa chữa sai lầm, có ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng các quy tắc của đời sống xã hội và chịu trách nhiệm cho bản thân, gia đình và xã hội. Việc tổ chức giáo dục người chưa thành niên phạm tội được thực hiện chủ yếu ở cộng đồng hoặc đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Việc xử lý trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, kiểm tra trách nhiệm hình sự, người chưa thành niên phạm tội, phải thực hiện theo quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên.

3. Người phạm tội vị thành niên người đã được xử lý thông qua các biện pháp hành chính, tách khỏi cộng đồng cho một thời hạn nhất định, khi trở về gia đình của họ được đưa ra điều kiện và hỗ trợ bởi Ủy ban các dân cấp xã của phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để tiếp tục của họ trường học, để học hỏi và tìm kiếm việc làm .

4. Trong trường hợp nơi mà các em đã hoàn thành thời hạn giáo dục hoặc hoàn toàn bị cắt đứt hành hình phạt, nhưng vẫn không có nơi nương tựa, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi cho các cơ sở hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và tạo điều kiện cho họ học hỏi và tìm kiếm việc làm.

Chương V

THỰC HIỆN QUY ĐỊNH

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 Tháng Một 2005.

2. Luật này thay thế Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 1991 .

Điều 60. Hướng dẫn thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này .

Luật này đã được Quốc hội khoá XI nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2004.